

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 199 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch phát triển điện
mặt trời tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11, ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006 của Chính phủ, về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP, ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, ngày 09/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT, ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg, ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BCT, ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 43/SCT-QLNL ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Báo cáo thẩm định số 02/BC-SKH ngày 02/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030, với các nội dung như sau:



Handwritten signature

- **Tên dự án quy hoạch:** Quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

- **Chủ đầu tư:** Sở Công Thương Đắk Nông.

- **Phạm vi quy hoạch:** Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

- **Kinh phí thực hiện: 1.086.680.525 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng).

- **Nguồn vốn:** Từ kinh phí tài trợ của Công ty cổ phần thủy điện Đắk R'tih.

- **Thời gian thực hiện:** Năm 2018.

Nội dung cụ thể như đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Đắk Nông giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030 kèm theo. Từng khoản chi cụ thể phải đảm bảo thực hiện đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của việc đề xuất nêu trên, triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lưu VT, TH, CNXD(H).

04



Trần Xuân Hải

ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ, DỰ TOÁN
Lập quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Đắk Nông,
giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030
*(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 05/02/2018
của UBND tỉnh Đắk Nông)*

I/ Nhiệm vụ lập Quy hoạch.

1/ Thu thập số liệu.

- Thu thập tài liệu phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu phụ tải và điện lượng của tỉnh.

- Thu thập các bản đồ địa hình của tỉnh, các tài liệu về các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất, ...

- Thu thập dữ liệu đo bức xạ mặt trời, số giờ nắng trong năm của các trạm khí tượng thủy văn hoặc các trạm đo khác (nếu có).

- Các số liệu khác có liên quan để phục vụ công tác lập quy hoạch.

2/ Đánh giá tiềm năng điện mặt trời lý thuyết và tiềm năng điện mặt trời kỹ thuật.

3/ Xây dựng khu vực phát triển điện mặt trời.

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá để xếp hạng dự án.

- Phân tích từng tiêu chí, tính toán điểm số và trọng số cho từng dự án để xếp hạng dự án.

- Phân tích nhu cầu phụ tải của tỉnh, tốc độ phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia để xác định công suất điện mặt trời đưa vào hệ thống một cách hợp lý.

- Xác định quy mô công suất, địa điểm, thời gian xây dựng các nhà máy điện mặt trời đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Lập bảng thống kê nhà máy, địa điểm, diện tích xây dựng, quy mô công suất, năm vận hành.

- Dự kiến diện tích chiếm đất của mỗi dự án; đánh giá sơ bộ hiện trạng đất khu vực các dự án quy hoạch (đất sản xuất, đất có nguồn gốc...).

4/ Phương án đấu nối.

- Trên cơ sở quy mô công suất của các dự án, đề xuất cấp điện áp đấu nối cho mỗi nhà máy.



1/

- Đề xuất một số phương án đấu nối các dự án nhà máy điện mặt trời vào hệ thống điện.

- Tính toán hệ thống điện của tỉnh và khu vực để đánh giá tác động lưới điện khi đấu nối các nhà máy điện mặt trời.

- Xác định quy mô xây dựng của các phương án đấu nối để tính khái toán các phương án.

- Phân tích kinh tế kỹ thuật để lựa chọn phương án đấu nối lưới.

- Kiến nghị phương án đấu nối lưới của các dự án quy hoạch. Đối với những dự án làm thay đổi quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, đề án sẽ kiến nghị xem xét bổ sung và hiệu chỉnh quy hoạch phát triển điện lực theo quy định.

5/ Phân tích tài chính các dự án điện mặt trời.

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của từng dự án.

- Dự kiến suất đầu tư.

- Dự kiến tổng mức đầu tư.

- Phân tích hiệu quả tài chính các dự án.

6/ Đánh giá tác động môi trường.

- Đánh giá các ảnh hưởng trong việc sử dụng đất.

- Đánh giá các ảnh hưởng đến môi trường.

7/ Tổ chức quản lý quy hoạch.

II/ Biên chế hồ sơ đề án quy hoạch.

A. Phần thuyết minh

Chương 1. Tổng quan về tình hình phát triển điện mặt trời tại Việt Nam và của tỉnh.

1.1. Công nghệ và xu hướng phát triển năng lượng mặt trời

1.2. Các chính sách vùng và quốc gia liên quan đến phát triển điện mặt trời

1.3. Thực trạng phát triển điện mặt trời ở Việt Nam và các nghiên cứu về tiềm năng năng lượng mặt trời hiện có ở Việt Nam

1.4. Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch

1.5. Cơ chế hỗ trợ phát triển điện mặt trời

Chương 2. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh

2.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý

2.1.2. Đặc điểm địa hình

- 2.1.3. Đặc điểm sông ngòi
- 2.1.4. Điều kiện khí tượng
- 2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội
 - 2.2.1. Hiện trạng kinh tế - xã hội
 - 2.2.2. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội
- 2.3. Hiện trạng và kế hoạch sử dụng đất

Chương 3. Hiện trạng và phương hướng phát triển nguồn và lưới điện trên địa bàn tỉnh.

- 3.1. Hiện trạng nguồn và lưới điện tỉnh
- 3.2. Nhu cầu phụ tải điện tỉnh
- 3.3. Kế hoạch phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh

Chương 4. Xác định tiềm năng điện mặt trời lý thuyết, kỹ thuật và kinh tế và khả năng khai thác nguồn năng lượng mặt trời của tỉnh.

- 4.1. Các số liệu đầu vào.
- 4.2. Phương pháp xử lý số liệu.
- 4.3. Các kết quả chính.
- 4.4. Đặc điểm của bức xạ mặt trời mặt trời khu vực.
- 4.5. Bản đồ atlas mặt trời ứng với các độ cao điển hình
- 4.6. Xác định các khu vực có tiềm năng mặt trời cho phát triển điện mặt trời.
- 4.7. Đánh giá tiềm năng mặt trời lý thuyết.
- 4.8. Xác định công suất điện mặt trời lý thuyết, kỹ thuật và kinh tế theo từng vùng.

Chương 5. Quy hoạch khu vực cho phát triển điện mặt trời và Danh mục các dự án điện mặt trời giai đoạn đến năm 2020 có xét đến năm 2030: Diện tích và ranh giới các khu vực cho phát triển các dự án điện mặt trời; quy mô công suất của các dự án điện mặt trời.

- 5.1. Tiêu chí lựa chọn
- 5.2. Xếp hạng sơ bộ
- 5.3. Xác định và phân loại các vùng có khả năng phát triển điện mặt trời
- 5.3. Danh mục các dự án điện mặt trời (Diện tích và ranh giới các khu vực phát triển các dự án điện mặt trời; quy mô công suất của từng dự án điện mặt trời)

Chương 6. Định hướng đầu nối hệ thống điện quốc gia

- 6.1. Cấp điện áp đầu nối từng vùng
- 6.2. Công suất đầu nối vào hệ thống điện tại các địa điểm đầu nối

Chương 7. Nhu cầu vốn đầu tư và hiệu quả tài chính của dự án

- 7.1. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của dự án điện mặt trời nối lưới

- 7.2. Dự kiến tổng mức đầu tư.
- 7.3. Phân kỳ đầu tư.
- 7.4. Dự kiến suất đầu tư các dự án từng vùng.
- 7.5. Phân tích hiệu quả tài chính của dự án.

Chương 8. Đánh giá tác động môi trường tái định cư trong hoạt động điện mặt trời

- 8.1. Đánh giá các ảnh hưởng việc sử dụng đất.
- 8.2. Tái định cư.
- 8.3. Đánh giá tác động môi trường.
- 8.4. Kết luận

Chương 9. Các giải pháp, cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện

- 9.1. Các giải pháp chủ yếu
- 9.2. Các cơ chế chính sách.
- 9.3. Tổ chức thực hiện.

Chương 10. Kết luận và kiến nghị


B. Các phụ lục, bản vẽ và bản đồ

III/ Dự toán lập quy hoạch.

Tổng dự toán: 1.086.680.525 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*).

Trong đó:

- Chi phí theo TT 01/2012/TT-BKHĐT: 792.807.750 đồng
- Chi phí ngoài TT 01/2012/TT-BKHĐT: 195.090.909 đồng
- Thuế VAT (10%): 98.789.866 đồng

(Chi tiết theo phụ lục dự toán đính kèm) 

PHẦN DỰ TOÁN CHI PHÍ

I/ Cơ sở tính toán tổng chi phí lập quy hoạch

Hiện nay, chưa có quy định hướng dẫn về lập dự toán kinh phí cho công tác lập quy hoạch phát triển điện mặt trời, do đó việc xác định mức chi phí lập quy hoạch phát triển điện mặt trời trên địa bàn tỉnh được vận dụng theo các quy định sau:

- Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

- Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ;

- Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;

- Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về ban hành Quy định mức xây dựng phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông;

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 năm 2017 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông.

II/ Dự toán kinh phí lập quy hoạch

1. Các khoản chi phí theo TT 01/2012/TT-BKHĐT và điều chỉnh hệ số

Giá trị Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu tỉnh Đắk Nông (trước thuế), áp dụng công thức:

$$G_{QHN} = G_{chuẩn} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K$$

Trong đó:

G_{QHN} là tổng mức chi phí cho dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

16 ✓

$G_{\text{chuẩn}} = 850$ (triệu đồng), là mức chi phí cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn chuẩn;

$H_1 = 1,0$ là hệ số cấp độ địa bàn quy hoạch (cấp tỉnh);

$H_2 = 1,4$ là hệ số điều kiện làm việc và trình độ phát triển KT-XH của địa bàn quy hoạch (Đắk Nông là tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên);

$H_3 = 1,35$ là hệ số quy mô diện tích tự nhiên của tỉnh quy hoạch (diện tích tự nhiên của tỉnh Đắk Nông là 6.509 km^2);

$Q_n = 0,35$ là hệ số khác biệt giữa quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu (Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thuộc lĩnh vực Kết cấu hạ tầng năng lượng - Mạng cung ứng điện);

$K = 1,41$ là hệ số điều chỉnh mức lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng

$K = 0,3 \times$ chỉ số giá tiêu dùng $+ 0,7 \times$ (mức lương tối thiểu của nhà nước tại thời điểm tính toán/ 830.000 đồng/tháng)

+ Mức lương tối thiểu của nhà nước tại thời điểm tính toán: theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu chung là: $1.300.000$ đồng/tháng;

+ Chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm tính toán (tháng 10/2017) theo công bố của Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông là $1,046$

Như vậy, hệ số K được xác định như sau:

$$K = 0,3 \times 1,046 + 0,7 \times 1.300.000/830.000 = 1,41$$

Thay các hệ số trên vào công thức, các khoản chi phí lập Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo TT 01/2012/TT-BKHĐT là:

$$G_{\text{QH}} = 850.000.000 \times 1,0 \times 1,4 \times 1,35 \times 0,35 \times 1,41 = 792.807.750 \text{ (đồng)}.$$

(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)

2. Các khoản chi phí khác ngoài TT 01/2012/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bảng 1. Các khoản mục chi phí khác ngoài TT 01/2012/TT-BKHĐT

TT	Diễn giải	Cách tính	Thành tiền (đồng)
----	-----------	-----------	-------------------

2/

B	Các khoản chi phí khác ngoài TT 01/2012/TT-BKHĐT (Chi phí khảo sát, chi phí mua bản đồ, số liệu khí tượng thủy văn...)		
1.1	Chi phí khảo sát xác định diện tích, ranh giới khu vực phát triển và sơ bộ phương án đầu nối	Phụ lục 2	109.090.909
1.2	Chi phí mua bản đồ, số liệu khí tượng thủy văn	Phụ lục 3	86.000.000
TỔNG CỘNG			195.090.909

(Chi tiết có phụ lục 2,3 kèm theo)

3. Tổng chi phí lập quy hoạch

A. Chi phí theo TT 01/2012/TT-BKHĐT:	792.807.750 đồng
B. Chi phí ngoài TT 01/2012/TT-BKHĐT:	195.090.909 đồng
C. Tổng chi phí trước thuế:	987.898.659 đồng
D. Thuế VAT (D*10%):	98.789.866 đồng
Tổng chi phí sau thuế (C+D):	1.086.688.525 đồng

Làm tròn = 1.087.000.000 (đồng)

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn)

Phu lục 3 . Chi phí mua bản đồ, số liệu khí tượng thủy văn

TT	Yếu tố	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá/biểu (đồng)	Tổng (đồng)
1	Nhiệt độ trung bình ngày	Biểu	360	20.000	7.200.000
-	Nhiệt độ cao nhất ngày	Biểu	360	20.000	7.200.000
-	Nhiệt độ thấp nhất ngày	Biểu	360	20.000	7.200.000
2	Ám độ tương đối trung bình ngày	Biểu	360	20.000	7.200.000
3	Số giờ nắng ngày	Biểu	360	20.000	7.200.000
4	Hướng và tốc độ gió thực đo	Biểu	120	20.000	2.400.000
5	Hướng và tốc độ gió mạnh nhất ngày	Biểu	30	20.000	600.000
6	Lượng mây tổng quan	Biểu	60	20.000	1.200.000
7	Bản đồ tỉnh Đắk Nông (tỷ lệ 1/25000)	Mảnh	50	900.000	45.000.000
TỔNG CỘNG					85.200.000

th ✓

Phụ lục 3. Chi phí mua bản đồ, số liệu khí tượng thủy văn

TT	Yếu tố	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá/năm (đồng)	Tổng (đồng)
1	Nhiệt độ không khí	Năm	20	200.000	4.000.000
2	Ám độ không khí	Năm	20	200.000	4.000.000
3	Áp suất không khí	Năm	20	200.000	4.000.000
4	Số giờ nắng	Năm	20	200.000	4.000.000
5	Nhiệt độ mặt đất	Năm	20	200.000	4.000.000
6	Hướng và tốc độ gió	Năm	20	200.000	4.000.000
7	Hướng và tốc độ gió mạnh từng ngày	Năm	20	200.000	4.000.000
8	Lượng và loại mây	Năm	20	200.000	4.000.000
9	Lượng mưa	Năm	20	200.000	4.000.000
10	Bản đồ tỉnh Đắk Nông (tỷ lệ 1/25000)	Mảnh	25	2.000.000	50.000.000
TỔNG CỘNG					86.000.000

th

11/11/11

Phụ lục 2.

Chi phí chuyên gia khảo sát diện tích, ranh giới khu vực phát triển dự án

STT	Chức danh công việc	Thời gian thực hiện (ngày)	Đơn giá lương bình quân (đồng/tháng)		Thành tiền (đồng)
			Đồng/tháng công	Đồng/ngày công	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/22	(6)
1	Chủ trì phân khảo sát	20	20.000.000	909.091	18.181.818
2	Tham gia phân khảo sát	20	20.000.000	909.091	18.181.818
3	Tham gia phân khảo sát	20	20.000.000	909.091	18.181.818
4	Tham gia phân khảo sát	20	20.000.000	909.091	18.181.818
5	Tham gia phân đầu nối hệ thống điện	20	20.000.000	909.091	18.181.818
6	Tham gia phân đầu nối hệ thống điện	20	20.000.000	909.091	18.181.818
TỔNG CỘNG					109.090.909

Handwritten mark

Phụ lục 01 . Kinh phí theo Thông tư 01/2012/TT-BKH

TT	Khoản mục chi phí	Mức chi phí tối đa (%)	Thành tiền (đồng)
A	Kinh phí trong đơn giá theo Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT (chưa bao gồm VAT)	100	792.807.750
I	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ và dự toán	2,5	19.820.194
1	Chi phí xây dựng đề cương nhiệm vụ	1,5	11.892.116
2	Lập dự toán kinh phí theo đề cương nhiệm vụ	1	7.928.078
II	Chi phí nghiên cứu xây dựng đề án	84	665.958.510
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7	55.496.543
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu đề án	4	31.712.310
3	Chi phí khảo sát thực địa	20	158.561.550
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	53	420.188.108
4.1	<i>Phân tích, đánh giá vai trò vị trí của điện mặt trời</i>	1	7.928.078
4.2	<i>Phân tích, dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển điện mặt trời của khu vực; của cả nước tác động tới phát triển điện mặt trời của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</i>	3	23.784.233
4.3	<i>Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển của điện mặt trời của tỉnh</i>	4	31.712.310
4.4	<i>Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển điện mặt trời của tỉnh</i>	3	23.784.233
4.5	<i>Nghiên cứu, đề xuất các phương án phát triển</i>	6	47.568.465
4.6	<i>Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu</i>	20	158.561.550
	a) Luận chứng các phương án phát triển	5	39.640.388
	b) Xây dựng phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực	1	7.928.078
	c) Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ	1	7.928.078
	d) Xây dựng các phương án và giải pháp bảo vệ môi trường	1,5	11.892.116
	đ) Xây dựng các phương án, tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	4	31.712.310
	e) Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm	1,5	11.892.116
	g) Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ	3	23.784.233
	h) Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện	3	23.784.233

4.7	Xây dựng báo cáo tổng hợp và các báo cáo liên quan	8	63.424.620
	a) Xây dựng báo cáo đề dẫn	1	7.928.078
	b) Xây dựng báo cáo tổng hợp	6	47.568.465
	c) Xây dựng các báo cáo tóm tắt	0,6	4.756.847
	d) Xây dựng văn bản trình thẩm định	0,2	1.585.616
	đ) Xây dựng văn bản trình phê duyệt dự án quy hoạch	0,2	1.585.616
4.8	Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch	8	63.424.620
III	Chi phí khác	13,5	107.029.046
1	Chi phí quản lý dự án quy hoạch	4	31.712.310
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1,5	11.892.116
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4,5	35.676.349
4	Chi phí công bố quy hoạch	3,5	27.748.271

h